

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày: 16/3/2022

V/v “*TrA chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị ThA Vân

2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “*trA chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc A, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 34, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Ông A đơn đơn xét xử vắng mặt ngày 14/3/2022).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 18/3A đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 3, phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Ngọc A trình bày:**

Do chỗ quen biết nên từ tháng 11/2018 đến tháng 3/2019, ông Vũ Ngọc A có cho bà Võ Thị Ngọc A vay nhiều lần tiền để bổ sung nguồn thuốc trị bệnh cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 03/5/2018, bà A vay 5.000.000đ, hẹn sau 12 tháng sẽ trả vốn.

Lần 2: Vào ngày 26/7/2018, bà A vay 15.000.000đ, hẹn sau 12 tháng sẽ trả vốn.

Lần 3: Vào ngày 27/11/2018, bà A vay 10.000.000đ, hẹn sau 12 tháng sẽ trả vốn.

Lần 4: Vào ngày 27/01/2019, bà A vay 6.000.000đ, hẹn sau 12 tháng sẽ trả vốn.

Lần 5: Vào ngày 03/4/2019, bà A vay 7.000.000đ, bà A thỏa thuận miệng là sau 12 tháng sẽ trả vốn.

Các lần vay trên bà A đều có làm biên nhận nợ và ký tên. Đến cuối tháng 7/2019, ông A có gặp bà A để yêu cầu trả nợ (do trước đó khoảng tháng 5/2019, ông có cho bà A biết là ông sẽ thu hồi vốn vay vào cuối tháng 7/2019) nhưng bà A chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Do bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Vũ Ngọc A khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 43.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

* Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Ngọc A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ, chứng minh không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa;

Ông Vũ Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/3/2022, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Vũ Ngọc A khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ngọc A trả tiền vay, đây là trA chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các biên nhận nợ, bà A ghi địa chỉ của bà là số 18/3A đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 3, phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang nên ông Vũ Ngọc A khởi kiện đối với bà A là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Vũ Ngọc A là người khởi kiện bà Võ Thị Ngọc A nên ông A tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án và xác định bà Võ Thị Ngọc A tham

gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Nguyên đơn ông Vũ Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14/3/2022 là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét chấp nhận. Bị đơn bà Võ Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà A được thể hiện trong hồ sơ vụ án là phù hợp với Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.”* Do đó Tòa án niêm yết theo quy định.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Theo các biên nhận nợ ngày 03/5/2018; 26/8/2018; 27/11/2018; 27/01/2019; 03/4/2019, thể hiện bà Võ Thị Ngọc A có vay của ông Vũ Ngọc A nhiều lần tiền tổng cộng là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng). Việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa ông A với bà A xuất phát từ sự tự nguyện giữa hai bên. Các biên nhận vay tiền ghi rõ họ tên người cho vay là Vũ Ngọc A, người ký vay là Võ Thị Ngọc A, ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ và thời gian trả nợ cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn được quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 nên hợp đồng này phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2019 đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn bà Võ Thị Ngọc A không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Đồng thời, Tòa án không tiến hành hoà giải được, không đối chất được để làm rõ các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không thực hiện được quyền tra luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình là lỗi của bà A. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Vũ Ngọc A đã xuất trình chứng cứ là bản chính các biên nhận nợ ngày 03/5/2018; 26/8/2018; 27/11/2018; 27/01/2019;

03/4/2019, do bà Võ Thị Ngọc A ký nhận, đã chứng minh được có sự việc bà Võ Thị Ngọc A nợ tiền vay của ông Vũ Ngọc A nhưng bà A vẫn chưa trả nợ cho ông A là quy phạm vi định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên ông Vũ Ngọc A khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nêu trên là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận.

[2] Về lãi suất vay do ông Vũ Ngọc A không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc A được tòa án chấp nhận nên ông được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Võ Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Ngọc A đối với bà Võ Thị Ngọc A.

Buộc bà Võ Thị Ngọc A trả cho ông Vũ Ngọc A số tiền vốn là 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Vũ Ngọc A được nhận lại 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002763 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Ông Vũ A, bà Võ Thị Ngọc A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị ThA Vân

Trần Hùng Bích

Bùi Phương Quyền